

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2017/HC-PT
Ngày 18 tháng 8 năm 2017
V/v Khiếu kiện hành vi
hành chính về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Minh

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Đặng Văn Ý

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2017/TLPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2016/HC-ST ngày 23/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2017/QĐPT ngày 02 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Trần Văn X, sinh năm 1954.

1.2. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1954.

Địa chỉ: cùng trú tại ấp Ch, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: khu 1B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc Th - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Đại diện theo ủy quyền là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1966.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn Q là Trần Thị Ngọc D (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 30/5/2016) (có mặt).

3.2. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1972;

3.3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1951; (có mặt)

3.4. Ông Trần Văn S, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1952;

Địa chỉ: 5355 N.Neenah # Ave Chicago II 60656 USA.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn Ng là Bà *Trần Thị Kim L*, sinh năm 1969 (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2016). (có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Ng là Nguyễn Văn T1 - đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2015 Trần Văn X, Trần Thị Nh và tại bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Phần đất diện tích 5.667m² thửa 1373, tại ấp A1, xã A, huyện C có nguồn gốc là của cha mẹ ông X là Trần Văn Th1 (chết năm 1997) và bà Đặng Thị T2 (chết năm 2013).

Năm 1978, cha mẹ ông X có sang nhượng cho vợ chồng ông bà 1.000m², do trong gia đình nên chưa sang tên. Đến tháng 9/1997 ông bà hoán đổi với cha mẹ phần đất 1.000m² đã sang nhượng để lấy 700m² đất nền nhà cũ của ông Trần Văn Th1 và bà Đặng Thị T2 nằm sát mặt lộ. Như vậy, đất của ông Trần Văn Th1 và bà Đặng Thị T2 còn lại 4.967m².

Tuy nhiên, do ngay sau đó ông Trần Văn Th1 qua đời chưa kịp sang tên chủ quyền cho ông Trần Văn X và bà Trần Thị Nh.

Ngày 24/02/1998 bà Đặng Thị T2 kêu các con về họp gia đình cho dứt Trần Văn X –Trần Thị Nh toàn bộ diện tích đất còn lại (nhưng ghi chung là 5.667m², vì 700m² chưa tách bộ được). Khi đó có lập tờ cam kết.

Đồng thời ngày 30/6/1998, bà Đặng Thị T2 có làm bổ sung tờ hợp đồng ủy quyền nhà với nội dung bán luôn căn nhà trên đất cho Trần Văn X, Trần Thị Nh.

Sau khi có các giấy tờ trên, Trần Văn X, Trần Thị Nh tiến hành đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa đỏ, sổ vào sổ 760/QSDD ngày 11/6/1999.

Năm 2003, không biết ai xúi giục bà Đặng Thị T2 kiện tranh chấp đòi lại toàn bộ nhà và đất.

Năm 2006, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử vụ kiện (Bản án số 18/2006/DSST ngày 01/8/2006) chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị T2.

Năm 2007, Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm vụ án (Bản án số 30/2007/DSPT ngày 19/01/2001) đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đặng Thị T2, hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X, Trần Thị Nh.

Năm 2011 Tòa án nhân dân Tối cao đã giám đốc thẩm vụ án trên (Quyết định giám đốc thẩm số 08/2011/DS-GĐT ngày 21/3/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao) đã tuyên hủy toàn bộ 02 bản án nêu trên để giải quyết lại từ đầu.

Như vậy, 02 bản án trên không còn giá trị thi hành và giấy chủ quyền đất của Trần Văn X, Trần Thị Nh vẫn còn hợp pháp.

Sau khi vụ án tiếp tục giải quyết, ngày 05/7/2013 bà Đặng Thị T2 (có đại diện là Trần Thị Kim L) rút đơn khởi kiện. Ngày 09/7/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (Quyết định số 16/2013/QĐST-DS ngày 09/7/2013).

Như vậy, phía bà Đặng Thị T2 đến thời điểm ngày 09/7/2013 không còn khởi kiện nữa và Tòa án đã đình chỉ vụ án.

Do đó về nguyên tắc như cũ trước khi có tranh chấp tức là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất vẫn của Trần Văn X, Trần Thị Nh (do không có ai tranh chấp) vì hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã bị hủy.

Ngày 03/8/2015, ông X đến Ủy ban nhân dân xã để làm lại thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất thì được biết mẹ ông là Đặng Thị T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1680m².

Đỗ Văn Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1003m².

Trần Thị Ngọc D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2984m².

Từ khi vụ án đình chỉ ngày 09/7/2013 đến nay chưa được Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cho thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 06/8/2015 Trần Văn X, Trần Thị Nh có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cho thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đặng Thị T2, Đỗ Văn Q, Trần Thị Ngọc D. Đồng thời cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trần Văn X, Trần Thị Nh như cũ.

Ngày 14/10/2015 Trần Văn X, Trần Thị Nh nhận được văn bản số 2133/UBND-NC ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C trả lời không thực hiện hành vi hành chính theo yêu cầu của Trần Văn X, Trần Thị Nh.

Như vậy, hành vi của Ủy ban nhân dân huyện C là trái pháp luật vì không thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho những người có tên trên cũng như không khôi phục lại tình trạng pháp lý ban đầu theo yêu cầu của Trần Văn X, Trần Thị Nh.

Ông X, bà Nh yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện C không thu hồi GCNQSD đất cấp cho Đặng Thị T2, Đỗ Văn Q, Trần Thị Ngọc D và không cấp lại GCNQSD đất cho ông X, bà Nh là trái pháp luật. Đồng thời yêu cầu UBND huyện C thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho Đặng Thị T2, Đỗ Văn Q, Trần Thị Ngọc D và cấp lại GCNQSD đất cho ông X, bà Nh như cũ.

Tại văn bản số 2727/UBND-NC v/v nêu ý kiến theo nội dung Thông báo số 03/2015/TB-TLVA.TAH ngày 02/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện C và đơn xin vắng mặt ngày 15/9/2016 ông Nguyễn Văn T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có ý kiến như sau:

Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H01160/AH301444/QSDĐ NGÀY 27/9/2007 cho bà Đặng Thị T2, có số thửa 1373, tờ bản đồ số ATĐC1, diện tích 5.667m² là căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 30/2007/DSPT ngày 19/01/2007 của Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực thi hành, do đó việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị T2 là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm đó. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X, Trần Thị Nh, Ủy ban nhân dân huyện C cho rằng Tòa án phán quyết như thế nào liên quan đến phần đất tranh chấp nêu trên thì Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị Ngọc D, Trần Văn Đ, đại diện ủy quyền của Trần Văn Ng là Trần Thị Kim L trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị T2, Đỗ Văn Q, Trần Thị Ngọc D là đúng thẩm quyền, đúng trình tự cấp đất theo luật đất đai.

Yêu cầu của ông X, bà Nh là không có cơ sở, yêu cầu Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X, bà Trần Thị Nh.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 7/2016/HC-ST ngày 23/12/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 2 Điều 193; khoản 5 Điều 191 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X và bà Trần Thị Nh.

Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C về việc không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 699900 ngày 26/11/2007 đã cấp cho bà Đặng Thị T2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 699899 ngày 26/11/2007 đã cấp cho anh Đỗ Văn Q; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 699898 ngày 26/11/2007 đã cấp cho chị Trần Thị Ngọc D, để cấp lại cho ông Trần Văn X là trái pháp luật; Buộc Ủy ban nhân dân huyện C chấm dứt hành vi trái pháp luật nêu trên.

Hủy toàn bộ công văn số 2133/UBND-NC ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Trần Văn X, bà Trần Thị Nh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 30/12/2016, bà Trần Thị Kim L là người đại diện cho ông Trần Văn Ng kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X, bà Trần Thị Nh. Lý do: công văn số 2133/UBND-NC ngày 08/10/2015 của Ủy ban nhân dân huyện C không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, chỉ mang tính chất nội bộ cơ quan. Hiện nay các đồng thừa kế của bà T2 đã khởi kiện ông X về việc tranh chấp đất đai mà tòa án chưa giải quyết.

Ngày 30/12/2016 ông Đỗ Văn Q và bà Trần Thị Ngọc D kháng cáo có cùng nội dung và yêu cầu như kháng cáo của ông Trần Văn Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn Ng trình bày: Bản án giám đốc thẩm hủy hai bản án dân sự sơ và phúc thẩm nhưng chưa quyết định đất tranh chấp thuộc về ai, hiện tại các thừa kế của bà T2 đã khởi kiện phần đất này với ông X và bà Nh. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông X bà Nh là không đúng vì Công văn 2133 ngày 08/10/2015 không

phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, Ủy ban nhân dân huyện C không thể thu hồi các quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T2, ông Q, bà D, ông Ng, bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét nội dung đơn kháng cáo của các đương sự nhận thấy án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện là không đúng vì căn cứ Luật đất đai, Bộ luật dân sự về việc bảo vệ cho người thứ ba ngay tình thì giao dịch giữa bà T2 với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là hợp pháp không bị vô hiệu. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sửa án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức, thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Trần Văn Ng, ông Đỗ Văn Q và bà Trần Thị Ngọc D làm trong hạn luật định là hợp lệ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung:

Ông Trần Văn X được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà tọa lạc trên diện tích đất có trồng cây ăn trái tại ấp A1, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang (giấy chứng nhận số 974 ngày 12/8/1998) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5667m² đất (giấy chứng nhận số M107007 ngày 11/6/1998. Vào ngày 17/5/2006, bà Đặng Thị T2 có đơn khởi kiện tranh chấp “Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất” nêu trên với ông Trần Văn X và Trần Thị Nh. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 30/2007/DSPT ngày 19/01/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T2. Tuyên hủy toàn bộ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đã cấp cho ông X nêu trên. Giao toàn bộ nhà, đất nói trên cho bà Đặng Thị T2 tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà T2 được quyền hợp thức hóa quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án phúc thẩm số 30/2007/DSPT ngày 19/01/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đặng Thị T2 đã kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà T2 có sang nhượng 01 diện tích đất cho anh Đỗ Văn Q, chị Trần Thị Ngọc D và anh Q, chị D đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông X, bà Nh có yêu cầu khiếu nại, tại Quyết định giám

độc thẩm số 08/2011/DS-GĐT ngày 21/3/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên xử: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 30/2007/DSPT ngày 19/01/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và bản án dân sự sơ thẩm số 18/2006/DSST ngày 01/8/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử sơ thẩm lại vụ án. Sau khi thụ lý lại sơ thẩm, ngày 05/7/2013 chị Trần Thị Kim L là đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị T2 có đơn xin rút đơn khởi kiện tranh chấp “Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất” đối với ông Trần Văn X và bà Trần Thị Nh. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã đình chỉ giải quyết vụ án theo quyết định số 16/2013/QĐST-DS ngày 09/7/2013 về việc tranh chấp “Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất” nêu trên. Như vậy, do bà Đặng Thị T2 đã rút yêu cầu khởi kiện nên tài sản là nhà, đất trên vẫn chưa xác định thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của ai.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Việc UBND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, dựa vào các bản án đã có hiệu lực pháp luật là đúng pháp luật vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó. Tuy nhiên các bản án sau đó đã bị hủy để điều tra xét xử lại. Xét thấy quyết định giám đốc thẩm hủy án để điều tra xét xử lại chứ không quyết định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự là đúng hay sai. Mặt khác tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2014 quy định: Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận (quyền sử dụng đất) đã cấp trong các trường hợp sau: “Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai”. Tại khoản 2 điều 138 Bộ luật dân sự năm 2005 có nêu: “Bảo vệ quyền lợi của người thứ ba ngay tình khi giao dịch dân sự vô hiệu...

... 2. Trong trường hợp tài sản giao dịch là bất động sản hoặc là động sản phải đăng ký quyền sở hữu đã được chuyển giao bằng một giao dịch khác cho người thứ ba ngay tình thì giao dịch với người thứ ba bị vô hiệu, trừ trường hợp người thứ ba ngay tình nhận được tài sản này thông qua bán đấu giá hoặc giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là chủ sở hữu tài sản nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa.”. Như vậy, bà Đặng Thị T2 đã kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T2 có sang nhượng 01 diện tích đất cho anh Đỗ Văn Q, chị Trần Thị Ngọc D và anh Q, chị D đã được Ủy ban nhân dân

huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Đỗ Văn Q, chị Trần Thị Ngọc D là người thứ ba ngay tình, nên được áp dụng theo quy định trên của pháp luật. An sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X và bà Trần Thị Nh là không đúng.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của ông Trần Văn Th1 và bà Đặng Thị T2 cũng như tranh chấp việc mua bán nhà, đất giữa ông X, bà Nh đối với bà T2; giữa chị D, anh Q đối với bà T2. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu. Như án sơ thẩm nhận định là có căn cứ pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ng, bà L về hủy quyết định cấp đất cho bà T2 không được chấp nhận vì đất này đang tranh chấp chưa quyết định đất này của ai.

Bởi lẽ đó, cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Ng, ông Đỗ Văn Q và bà Trần Thị Ngọc D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Ng và bà L về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T2.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn Ng, ông Đỗ Văn Q và bà Trần Thị Ngọc D, sửa bản án sơ thẩm số 07/2016/HC-ST ngày 23/12/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2014; khoản 2 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X và bà Trần Thị Nh về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 699899 ngày 26/11/2007 đã cấp cho anh Đỗ Văn Q; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 699898 ngày 26/11/2007 đã cấp cho chị Trần Thị Ngọc D.

Ông Trần Văn X và bà Trần Thị Nh có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật, nếu có yêu cầu, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của ông Trần Văn Th1 và bà Đặng Thị T2 cũng như tranh chấp việc mua bán nhà, đất giữa ông X, bà Nh đối với bà T2; giữa chị D, anh Q đối với bà T2.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn Ng (do bà Trần Thị Kim L đại diện), ông Đỗ Văn Q và bà Trần Thị Ngọc D theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001807, 001808, 001809 ngày 30/12/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- * Tòa án nhân dân tối cao;
- * VKSNDCC tại TP.HCM;
- * TAND tỉnh Tiền Giang;
- * VKSND tỉnh Tiền Giang;
- * Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang;
- * NKK (1);
- * NBK (1);
- * NLQ (2);
- * Lưu (3).12b.(An 18).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Minh